TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày 28-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Trang và ông Nguyễn Xuân Bắc.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Lường Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Lê G, sinh ngày 15/12/1998; tại: huyện P, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản B, xã Q, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Triệu Mạnh H, sinh năm 1975 và bà Lê Thị T, sinh năm 1976; chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2018 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Đinh Thị Th, sinh năm 1995, nơi cư trú: bản K, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người làm chứng*: Lê Thị H, Đinh Thị Thùy T, Hà Mạnh H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23/5/2018 Đinh Thị Th, đến quán của chị Lê Thị H, tạm trú ở bản P, thị trấn B chơi. Tại đây, Th làm quen với Triệu Lê G, G giới thiệu là chuyên viên bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của Phòng Tài chính - kế hoạch huyện B; sau khi nghe G nói chuyện điện thoại, Th hỏi G "Chị ơi nhà

chị xin việc ở đâu đấy", G nói "Ừ chị đang xin việc cho chị gái". Th hỏi tiếp "Thế có chỉ tiêu điều dưỡng không chị, chị hỏi cho em với", G nói "Ừ để chị hỏi"; khoảng 11 giờ ngày 25/5/2018, G sử dụng điện thoại của mình có số thuê bao 01694 931 xxx gọi vào số điện thoại 0963 704 xxx của Th nói "Thế con vịt mày có xin việc không", Th nói "Em có, chị cứ hỏi cho em đi", G bảo Th "Làm hồ sơ và đưa trước cho chị 10.000.000 VNĐ"; khoảng 16 giờ cùng ngày, Th cùng chị Đinh Thị Thùy T, mang theo hồ sơ và 10.000.000 VNĐ đưa cho G. Sau khi xem hồ sơ, G nói với Th dấu trong hồ sơ đã quá 01 năm không được chấp nhận và bảo Th làm lại hồ sơ khác; còn bộ hồ sơ này, để đưa cho họ xem trước. G nhận tiền với Th và lập 01 giấy xác nhận đề ngày 25/5/2017. Từ ngày 26 đến ngày 31/5/2018, G gọi điện, nhắn tin SMS, nhắn tin Messenger cho Th, yêu cầu Th mang hồ sơ mới lên và đặt cọc thêm 50.000.000VNĐ để G chạy xin việc cho Th, như đã hẹn khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2018, Th cùng với Hà Mạnh H đến quán của chị H và đưa cho G 01 bộ hồ sơ mới cùng số tiền 50.000.000VNĐ, giao nhận tiền có lập 01 tờ giấy với nội dung ngày 31/5/2018 chị Th cho G vay 50.000.000VNĐ các bên ký tên, mỗi bên giữ 01 bản. Sau khi nhận tiền, Triệu Lê G không xin việc cho Đinh Thị Th mà cũng không nộp cho cơ quan nào, số tiền 60.000.000VNĐ G đã mua xe máy và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/6/2018 Đinh Thị Th có đơn đề nghị và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B gồm: 01 giấy xác nhận tiền, 01 giấy cho vay tiền, 14 bản in giấy A4 chụp các nội dung liên lạc bằng tin nhắn Messenger, 18 bản in giấy A4 chụp các nội dung liên lạc bằng tin nhắn SMS và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng của Đinh Thị Th, có số IMEI 352083078291853, bên trong có 01 sim điện thoại.

Thực hiện điều tra thu giữ với Triệu Lê G: 02 túi đựng hồ sơ xin việc, bên trong là sơ yếu lý lịch, bảng điểm, bằng tốt nghiệp của chị Đinh Thị Th; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, có số IMEI 355352083102125, bên trong có 01 sim điện thoại; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, BKS: 26D1 - 259.xx và 01 chìa khóa xe máy.

Ngày 24/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện trưng cầu giám đinh: Trích xuất và phục hồi dữ liệu tin nhắn SMS, tin nhắn Messenger lưu trữ trong 02 điện thoại thu giữ với Triệu Lê G và Đinh Thị Th.

Ngày 26/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra, thực hiện lấy mẫu tài liệu so sánh là chữ ký, chữ viết của Triệu Lê G ký hiệu từ M1 đến M5 trưng cầu giám đinh chữ ký, chữ viết trên "giấy xác nhận và giấy vay tiền" ký hiệu A1, A2.

Ngày 30/8/2018 Viện khoa học hình sự có kết luận giám định số: 4728/C09-P6, kết luận: "Dữ liệu tin nhắn SMS, tin nhắn Messenger trong các đối tượng gửi giám định đã được trích xuất, phục hồi. Chi tiết trong phụ lục".

Ngày 31/10/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 472, kết luận: "Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người nhận, bên cho vay" mang tên Triệu Lê G trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký và viết ra".

Ngày 16/6/2018 Triệu Lê G đã tự nguyện thoả thuận và bồi thường số tiền 60.000.000VNĐ cho bị hại Đinh Thị Th.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS-BY ngày 12/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Triệu Lê G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do tuổi trẻ nhận thức bồng bột, cần tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Triệu Lê G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; xử phạt bị cáo G từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 48 đến 60 tháng; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quy Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, bên trong có 01 sim của Triệu Lê G. Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, bên trong có 01 sim cho Đinh Thị Th. Trả lại: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, BKS: 26D1 - 259.xx và 01 chìa khóa xe máy cho Triệu Lê G. Áp dụng các Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 60.000.000 VNĐ cho bị hại; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại số tiền 60.000.000VNĐ.

Bị hại Đinh Thị Th tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, xin cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản, đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, bản tự khai, dữ liệu tin nhắn SMS, tin nhắn Messenger, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Trong mối quan hệ quen biết, ngày 23/5/2018 bị cáo G giới thiệu là chuyên viên bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của Phòng Tài chính - kế hoạch huyện B có khả năng quan hệ xin việc làm nên Đinh Thị Th đã nhờ G xin việc. Khoảng 11 giờ ngày 25/5/2018, G sử dụng điện thoại có số thuê bao 01694 931 xxx gọi vào số điện thoại 0963 704 xxx của Th và nói "Thế con vịt mày có xin việc không", "Làm hồ sơ và đưa trước cho chị 10.000.000 VNĐ"; khoảng 16 giờ cùng ngày, Th cùng Đinh Thị Thùy T, mang 10.000.000 VNĐ và hồ sơ đưa cho G tại quán bán quần áo của chị Lê Thị H ở bản P, thị trấn B, hai bên lập giấy xác nhận đề ngày 25/5/2017; G xem hồ sơ rồi nói với Th dấu trong hồ sơ đã quá 01 năm, yêu cầu Th làm lại hồ sơ khác, còn bộ hồ sơ này đưa cho họ xem trước. Từ ngày 26 đến ngày 31/5/2018, G gọi điện, nhắn tin SMS, nhắn tin Messenger cho Th yêu cầu Th mang hồ sơ mới và đặt cọc thêm 50.000.000VNĐ. Như đã hẹn, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2018, Th cùng với Hà Mạnh H đi gặp và đưa cho G 01 bộ hồ sơ mới cùng số tiền 50.000.000VNĐ. Sau khi nhận tiền, bị cáo G không nộp hồ sơ cho cơ quan nào, số tiền 60.000.000VNĐ bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, bị cáo G là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối, trái pháp luật chiếm đoạt số tiền 60.000.000VNĐ của chị Đinh Thị Th là hành vi xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Triệu Lê G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tội phạm và hình phạt được quy định: "1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng … thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo tuổi còn rất trẻ, có điều kiện hiểu biết pháp luật (học tại Học viện tòa án 01 năm, đã bỏ học), bị cáo biết rõ là không có thẩm quyền tuyển dụng nhưng không chuyên tâm học tập, lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác nên đã dùng thủ đoạn gian dối (dùng lời nói khéo léo, phù hợp với tâm lý, nhu cầu, nguyện vọng của bị hại, đưa ra thông tin về thời gian tuyển dụng, khả năng - quan hệ xin việc của mình không đúng sự thực) để chiếm đoạt tài sản, mục đích lấy tiền chi tiêu cá nhân; trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có sự tính toán và chuẩn bị trước (tiếp cận, viết giấy nhận vay tiền để tạo lòng tin...). Tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về vật chất của chị

Th là 60.000.000VNĐ mà còn làm ảnh hưởng xấu về công tác tổ chức, tuyển dụng việc làm, trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại; phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người dân lao động, phụ nữ dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức còn hạn chế; là cháu của người có công (ông Lê Văn Th là ông ngoại của G được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì); bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo phạm tội cũng một phần do lỗi của người bị hại trong nhận thức tham gia tuyển dụng, tìm việc làm; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhân thân tốt được chính quyền địa phương xác nhận là chấp hành tốt quy định nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương nhưng ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung cho các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo, có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội nên áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

[8] Vật chứng của vụ án:

01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, bên trong có 01 sim số 01694 931 xxx là tài sản của bị cáo, bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quy Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, bên trong có 01 sim số 0963 704 xxx là tài sản của Đinh Thị Th giao nộp phục vụ điều tra nên trả lại cho chị Th, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, BKS: 26D1 - 259.xx và 01 chìa khóa xe máy là tài sản bị cáo G mua đang trả góp nên trả lại cho Triệu Lê G, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

02 túi đựng hồ sơ xin việc gồm: sơ yếu lý lịch, bảng điểm, bằng tốt nghiệp (đều là bản Photo chứng thực) mang tên Đinh Thị Th, 01 giấy xác nhận tiền, 01 giấy cho vay tiền là những tài liệu chứng minh tội phạm tiếp tục được lưu giữ, theo hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 105 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo, bị hại Đinh Thị Th đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản là 60.000.000VNĐ, chị Th đã nhận đủ và không yêu cầu đề nghị gì thêm; bị cáo đề nghị Toà án ghi nhận việc bồi thường trên. Hội đồng xét xử thấy đó là sự tự nguyện thoả thuận, không trái đạo đức và có căn cứ theo Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ghi nhận việc bồi thường thiệt hại.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số nhưng bị cáo không có đơn, không đề nghị xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 105; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Lê G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Triệu Lê G 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 (Sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 28/11/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Triệu Lê G cho Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Sơn La; giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo Triệu Lê G không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về vật chứng:

Tịch thu sung quy Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, bên trong có 01 sim số 01694 931 xxx của Triệu Lê G.

Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, bên trong có 01 sim số 0963 704 xxx cho Đinh Thị Th.

Trả lại: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, BKS: 26D1 - 259.xx và 01 chìa khóa xe máy cho Triệu Lê G.

Tiếp tục lưu giữ, theo hồ sơ vụ án: 02 túi đựng hồ sơ xin việc (sơ yếu lý lịch, bảng điểm, bằng tốt nghiệp (đều là bản Photo chứng thực) mang tên Đinh Thị Th, 01 giấy xác nhận tiền, 01 giấy cho vay tiền).

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

5. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Triệu Lê G đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho Đinh Thị Th tổng số tiền 60.000.000VNĐ (Sáu mươi triệu đồng), chị Th đã nhận đủ số tiền bồi thường.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Triệu Lê G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà